

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025¹

(Hình thức đào tạo: Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (Ngành giáo dục mầm non))²

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** NLS
- Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu):

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố 22, phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Phân hiệu	Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia Lai	Đường Trần Nhật Duật, thôn 01, xã Diên Phú, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
3	Phân hiệu	Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Ninh Thuận	Số 8, Đường Yên Ninh, Thị trấn Khánh Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận

- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** hcmuaf.edu.vn
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0773.284.806; 028.3896.3350
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://ts.hcmuaf.edu.vn>
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo³:**

- Địa chỉ công khai chương trình đào tạo:
<https://pdt.hcmuaf.edu.vn/pdt-42857-1/vn/chuong-trinh-dao-cao-tao-ap-dung-tu-khoa-2024-tro-di.html>
- Địa chỉ công khai ngành đào tạo: <https://ts.hcmuaf.edu.vn/>
- Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:
<https://llkh.hcmuaf.edu.vn/docgia/lylichkhoahoc>

¹ Thông tin tối thiểu, các CSĐT bổ sung các thông tin khác của CSĐT (nếu cần).

² Chính quy/vừa làm vừa học (liên thông, đã có một văn bằng...); cập nhật theo kế hoạch tuyển sinh bảo đảm quy định về công bố thông tin tuyển sinh.

³ Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công khai các thông tin về Hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

7.4 Địa chỉ công khai cơ sở vật chất:

<https://pqttvt.hcmuaf.edu.vn/pqttvt-10423-1/vn/cong-khai-co-so-vat-chat.html>

7.5 Địa chỉ công khai quy mô đào tạo:

<https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89654/174/70-nam-hanh-trinh-xay-dung-truong-dai-hoc-da-nganh-da-linh-vuc-nghien-cuu-cua-truong-dai-hoc-nong-lam-tp-ho-chi-minh/>

7.8 Địa chỉ công khai tỷ lệ sinh viên có việc làm:

<https://htsv.hcmuaf.edu.vn/tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep/>

7.9 Địa chỉ công khai kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành:

<https://ts.hcmuaf.edu.vn>

II. TUYỂN SINH CHÍNH QUY ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG (NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON)

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) có đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)⁴:

Xét tuyển;

Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy theo 05 (năm) phương thức sau đây:

2.1 Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.

2.2 Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025.

2.3 Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Riêng ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng, đại học) xét tuyển dựa vào: kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT của hai (02) môn Toán, Ngữ văn và điểm thi môn Năng khiếu.

2.4 Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025, bổ sung hoặc thay thế một môn trong tổ hợp xét tuyển bằng kết quả học tập bậc THPT (học bạ). Không áp dụng đối với xét tuyển ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng, đại học). Xét tuyển dựa vào điểm 02 (hai) môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 có trong tổ hợp xét tuyển và 01 (một) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển được sử dụng điểm học bạ (trung bình của 04 học kỳ từ học kỳ 1 lớp 11 đến học kỳ 2 lớp 12, làm tròn đến 02 số lẻ thập phân) để bổ sung hoặc thay thế, môn bổ sung hoặc thay thế này không được là môn Toán và Ngữ văn.

2.5 Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ). Sử dụng điểm học bạ (trung bình của 04 học kỳ từ học kỳ 1 lớp 11 đến học kỳ 2 lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ thập phân) của mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển. Tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh chỉ xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025. Đối với xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng, đại học), sử dụng điểm học bạ (trung bình của 04 học kỳ từ học kỳ 1 lớp 11 đến học kỳ 2 lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ thập phân) của 2 môn Toán và Ngữ văn kết hợp với kết quả thi môn Năng khiếu.

⁴ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào:

Khung quy đổi của các phương thức xét tuyển được công bố công khai tại địa chỉ <https://ts.hcmuaf.edu.vn>:

- Chậm nhất 30/6/2025 đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT của các thí sinh, Nhà trường công bố khung quy đổi chậm nhất 3 ngày sau khi công bố kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

- Điểm trúng tuyển:

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Dự kiến)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành ⁵	Tên ngành, nhóm ngành ⁶	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1		Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			113		
1.1	7140215	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	33	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (B00, D08, A01, X12, X28, X16) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A01, B00, D08, X12, X28, X16) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D08,	

⁵ Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học

⁶ Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học

						X28) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A01, B00, D08, X12, X28, X16) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D08, X28)	
1.2	7140201	Giáo dục Mầm non (Đại học)	7140201	Giáo dục mầm non	40	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (M00) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (M00)	
1.3	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non	40	405 – Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (M00) 406 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu (M00)	
2		Nhân văn			195		
2.1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	155	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A01, D01, D09, D10, D14, D15)	
2.2	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7220201	Ngôn ngữ Anh	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả	

						học tập cấp THPT để xét tuyển (A01, D01, D09, D10, D14, D15) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D09, D10, D14, D15) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A01, D01, D09, D10, D14, D15) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D09, D10, D14, D15)	
3		Khoa học xã hội và hành vi			203		
3.1	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	163	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D01, X01, X02, X25)	
3.2	7310101C	Kinh tế nông nghiệp (Chương trình nâng cao)	7310101	Kinh tế	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 409 - Kết hợp kết	

						quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25)	
4		Kinh doanh và quản lý			702		
4.1	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	250	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D01, X01, X02, X25)	
4.2	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chương trình nâng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	50	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D01, X01, X02, X25)	
4.3	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340101	Quản trị kinh doanh	40	409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25)	
4.4	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	30	402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ	

						thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25)	
4.5	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	130	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả	

						học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
4.6	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	160	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D01, X01, X02, X25)	
4.7	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340301	Kế toán	42	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25)	
5		Khoa học sự sống			261		
5.1	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ	221	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi	

				sinh học		TN THPT (A00, A02, B00, D07, D08, X14)	
5.2	7420201C	Công nghệ sinh học (Chương trình nâng cao)	7420201	Công nghệ sinh học	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (D07, D08, X14, A00, A02, B00) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A02, B00, D07, D08, X14) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08)	
6		Khoa học tự nhiên			52		
6.1	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	52	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00,	

						A01, A02, B00, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
7		Máy tính và công nghệ thông tin			445		
7.1	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	110	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A04, D01, D07, X26) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A04, D01, D07, X26) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét	

						tuyển (A01, D01, D07, X26) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A04, D01, D07, X26) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D07, X26)	
7.2	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	255	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D07, X06, X10, X07)	
7.3	7480201C	Công nghệ thông tin (Chương trình nâng cao)	7480201	Công nghệ thông tin	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D07, X06, X10, X07)	
7.4	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	7480201	Công nghệ thông tin	40	409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT	

						(học bạ) (A00, A01, D07, X06, X10, X07) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07)	
8		Công nghệ kỹ thuật			607		
8.1	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	112	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, C01, X06, X07)	
8.2	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chương trình nâng cao)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, C01, X06, X07)	
8.3	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ – điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	80	409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01)	
8.4	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	80	402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1)	
8.5	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	60	200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, C01, X06, X07)	
8.6	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	60	410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	
8.7	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng	30		

		Ninh Thuận)		lượng tái tạo		(A01)	
8.8	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	105	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, B00, D08, D07)	
8.9	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hoá học (Chương trình nâng cao)	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, B00, D08, D07) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D08, D07) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, B00, D08, D07) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
9		Kỹ thuật			140		
9.1	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động	80	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, C01, X06, X07)	

				hoá		407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, C01, X06, X07) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, C01, X06, X07) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01)	
9.2	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	30	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, D08, D07, X28)	
9.3	7520320G	Kỹ thuật môi trường (Phân hiệu Gia Lai)	7520320	Kỹ thuật môi trường	30	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, D08, D07, X28) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét	

						tuyển (A01, D07, D08, X28) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, D08, D07, X28) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08, X28)	
10		Sản xuất và chế biến			564		
10.1	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	239	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, D07, D08, B00)	
10.2	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chương trình nâng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	65	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, B00, D07, D08)	
10.3	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	7540101	Công nghệ thực phẩm	40	409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG	

						TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
10.4	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	70	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, D01, B03, X04) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, D01, B03, X04) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, D01, B03, X04) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với	

						chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
10.5	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	40	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A01, A00, A02, B00, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
10.6	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	110	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, C04, D01, X04) 407 - Kết hợp kết	

						quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, C04, D01, X04) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, C04, D01, X04) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
11		Nông, lâm nghiệp và thủy sản			1015		
11.1	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	160	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, B00, B03, C02, D07, D08)	
11.2	7620105C	Chăn nuôi (Chương trình nâng cao)	7620105	Chăn nuôi	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 409 - Kết hợp kết	

						quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08)	
11.3	7620109	Nông học	7620109	Nông học	200	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, A02, D07, D08)	
11.4	7620109N	Nông học (Phân hiệu Ninh Thuận)	7620109	Nông học	30	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, A02, D07, D08)	
11.5	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	7620109	Nông học	30	409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
11.6	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	120	402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM	

						tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, A02, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
11.7	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	100	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D01, X01, X02, X25)	
11.8	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	45	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc	

						tế để xét tuyển (A01, D01, X25)	
11.6	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	50	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, B00, C04, X01, D01, D08)	
11.7	7620202	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	50	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (B00, A00, C04, X01, D01, D08)	
11.8	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	50	409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, C04, X01, D01, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D08)	
11.9	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	140	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (B00, D07, D08, D01, B03, X04) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả	

						học tập cấp THPT để xét tuyển (B00, D07, D08, D01, B03, X04) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (B00, D07, D08, D01, B03, X04) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08)	
12		Thú y			388		
12.1	7640101	Thú y	7640101	Thú y	268	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi	
12.2	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	50	TN THPT (A00, B00, B03, C02, D07, D08)	
12.3	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả	
12.4	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	7640101	Thú y	30	học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét	

					tuyển (D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08)	
13		Môi trường và bảo vệ môi trường			439	
13.1	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	90	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, D08, D01, D07) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, D08, D01, D07) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức

						(NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, D08, D01, D07) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D07, D08)	
13.2	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	189	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	
13.3	7850103C	Quản lý đất đai (Chương trình nâng cao)	7850103	Quản lý đất đai	40		

						(A01, D01)	
13.4	7859002	Tài nguyên và Du lịch Sinh thái	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	70	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, B00, B02, D01, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, B00, B02, D01, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, B02, D01, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08)	
13.5	7859007	Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	50	100 – Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A02, B00, D01, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả	

					học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A02, B00, D01, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A02, B00, D01, D07, D08) 410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08)	
--	--	--	--	--	--	--

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1 Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Đối với các phương thức xét tuyển 3 và 5, thí sinh có thể sử dụng điểm chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS hoặc TOEFL ITP) còn giá trị sử dụng đến trước ngày thí sinh bắt đầu đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được quy đổi theo quy định để bổ sung hoặc thay thế cho môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển.

+ Đối với điểm bài thi IELTS phải đạt từ 4,5 trở lên, đơn vị cấp chứng chỉ gồm: British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP);

+ Điểm bài thi TOEFL ITP phải đạt từ 450 trở lên, đơn vị cấp chứng chỉ Educational Testing Service (ETS).

Mức điểm quy đổi như sau:

STT	Điểm bài thi IELTS	Điểm bài thi TOEFL ITP	Điểm quy đổi môn Tiếng Anh
1	4.5	450	8,0
2	5.0	480	8,5
3	5.5	500	9,0
4	6.0	530	9,5
5	≥ 6.5	≥ 550	10

5.2 Điểm cộng: không có

- Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành): Đối với các ngành đào tạo có nhiều chuyên ngành, việc phân chuyên ngành đào tạo sẽ được thực hiện dựa trên các tiêu chí:

+ Nguyên vọng của sinh viên;

+ Chỉ tiêu phân bổ cho từng chuyên ngành trong ngành (tối thiểu 30 sinh viên/chuyên ngành);

+ Kết quả học tập của sinh viên;

- Đối với Chương trình tiên tiến, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Các thông tin khác...

- Ngành Ngôn ngữ Anh (7220201): điểm môn Tiếng Anh được nhân đôi, cộng với điểm hai môn còn lại, quy về điểm 30.

- Ngành Giáo dục mầm non (trình độ đại học: 7140201, trình độ cao đẳng: 51140201): điểm môn Năng khiếu được nhân đôi, cộng với điểm hai môn còn lại, quy về điểm 30.

- Thí sinh có thể đăng ký dự thi môn Năng khiếu mầm non tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để lấy điểm năng khiếu xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, cao đẳng.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Được thực hiện theo Kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Môn thi Năng khiếu (dùng để xét tuyển vào ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học, cao đẳng) được tổ chức trong 02 ngày 08-09/7/2025 tại Phân hiệu Ninh Thuận.

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

Được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Lệ phí dự thi môn Năng khiếu (đối với xét tuyển ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học, cao đẳng) là 300.000 đồng.
- Lệ phí đăng ký xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh).

Đảm bảo quyền lợi của thí sinh dựa trên quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	7	0	0	

2	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghịệp THPT	10	17	18	10	22	18	
3	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghịệp THPT	10	1	18	8	8	18	
4	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	56	1	712	48	2	650	

5	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	23	1	730	20	5	700	
6	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	27	86	23	27	113	23.25	
7	7420201C	Công nghệ sinh học (Chất lượng cao)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT	10	12	22.25	10	8	23.25	

					(học bạ)							
8	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	24	1	700	22	2	650	
9	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	13	780	12	14	800	

10	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	5	25	13	5	24	
11	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	10	0	0	
12	7620202G	Lâm nghiệp đô thị (Phân hiệu Gia Lai)	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy	13	0	700	7	0	0	

					do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
13	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	15	8	2	15	
14	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	33	0	706	24	3	690	

15	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	23	12	25	20	29	24	
16	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	23	16	12	23	16	
17	7420201G	Công nghệ sinh học (Phân hiệu Gia Lai)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	0	18	8	1	18	
18	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập	14	0	22.25	13	2	22.75	

					cấp THPT (học bạ)							
19	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	70	0	730	60	6	700	
20	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét	42	1	800	68	15	700	

21	7620105C	Chăn nuôi (Chương trình nâng cao)	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	0	0	0	8	16	16	
22	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	90	301	23	81	286	22.25	
23	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét	52	1	730	50	6	700	

24	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	5	20	13	6	20	
25	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	52	197	22.25	48	131	23.25	
26	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	15	18	10	12	18	

27	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340301	Kế toán	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	10	0	0	
28	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	20	0	734	20	0	0	

29	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	29	16	12	35	19.5	
30	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	30	28	20	30	82	21	
31	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	70	278	22.25	60	153	22.75	

32	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	0	0	0	68	1	23.75	
33	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	13	0	720	17	0	0	

34	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	13	26	15	10	17	15	
35	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	33	10	24	30	22	20	
36	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	13	21	20	15	20	

37	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	10	0	0	
38	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	36	105	23	32	118	23	
39	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá	83	3	720	74	15	710	

					tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
40	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (Chương trình nâng cao)	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	0	0	0	8	8	23.25	
41	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	9	19	8	11	22.5	
42	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập	20	21	16	20	37	16	

					THPT (học bạ)							
43	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	13	21.25	13	16	22.5	
44	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	11	15	10	19	16	
45	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	1	15	8	4	15	

46	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	40	1	731	35	1	650	
47	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	0	18	8	0	0	
48	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	4	22.81	15	8	21	

49	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	7	23.34	18	8	20	
50	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	18	18	10	12	18	
51	7620109	Nông học	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	81	17	42	105	17	
52	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả thi	20	2	25	20	4	24	

					tốt nghệ THPT							
53	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghệ THPT	36	23	25	32	61	24	
54	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghệ THPT	52	22	25	51	54	23	
55	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	57	185	18.75	48	112	21.25	

56	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	7620109	Nông học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	13	0	700	7	0	0	
57	7340301G	Kế toán (Phân hiệu Gia Lai)	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	3	15	8	5	15	
58	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá	47	2	700	35	2	660	

					tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
59	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	16	15	10	28	15	
60	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	81	21.5	30	88	22.5	
61	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	17	1	19.69	13	1	19	

62	7620105C	Chăn nuôi (Chương trình nâng cao)	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	0	0	0	8	3	20	
63	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	0	25	13	4	23	
64	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	15	22	20	50	22	
65	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực,	20	2	700	20	12	700	

					đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
66	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	23	66	23	20	34	23.75	
67	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	30	16	15	52	16	
68	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá	33	1	728	30	1	650	

					năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
69	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	14	0	15	7	2	15	
70	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét	16	0	728	12	1	650	

71	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	90	39	26	81	51	24	
72	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	45	16	35	51	16	
73	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	17	1	716	12	0	0	

74	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	14	59	19	17	63	19.5	
75	7640101	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	56	36	27.5	69	136	26	
76	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	0	18	8	14	18	
77	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	33	26	22.75	25	67	21	

78	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	21.5	10	10	22.5	
79	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	52	8	730	48	10	750	

80	7420201C	Công nghệ sinh học (Chất lượng cao)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	1	730	10	2	750	
81	7640101	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	55	15	780	69	25	800	

82	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	13	0	700	10	2	600	
83	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	9	16	13	20	16	

84	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	16	0	737	10	0	0	
85	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	3	720	12	2	710	

86	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	723	12	0	0	
87	7620202	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	16	0	737	13	0	0	

88	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	20	15	10	34	15	
89	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghịệp THPT	42	2	27	69	94	22	
90	7340116G	Bất động sản (Phân hiệu Gia Lai)	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghịệp THPT	10	0	18	8	0	0	

91	7859002G	Tài nguyên và Du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	0	0	0	8	1	15	
92	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	23	18	10	17	18	
93	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	40	44	20	35	49	20	

94	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	83	369	21.25	74	257	22.5	
95	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	17	2	19.85	13	4	19	
96	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	17	1	20.34	10	0	0	

97	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	83	77	25	74	149	24	
98	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	27	81	16.5	22	77	20	
99	7620202G	Lâm nghiệp đô thị (Phân hiệu Gia Lai)	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	1	18	8	0	0	

100	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	20	0	720	20	0	0	
101	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	15	0	721	7	1	700	

102	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	13	0	700	10	0	0	
103	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	7	0	0	

104	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	33	0	708	25	4	650	
105	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	16	0	737	12	0	0	

106	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	8	16	12	19	16	
107	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	47	90	16	35	97	16	
108	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét	10	0	700	10	0	0	

109	7340116G	Bất động sản (Phân hiệu Gia Lai)	7340116	Bất động sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	7	0	0	
110	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	7	13	17	5	11	20.25	

111	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	26	0	704	22	2	650	
112	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	62	18.5	16	32	21.75	
113	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	11	18	10	16	18	

114	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (Chương trình nâng cao)	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	0	0	0	8	2	24	
115	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	17	14	20.24	13	13	20	
116	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	13	22	10	8	23	
117	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp	33	44	16	30	55	16	

					Xét THPT (học bạ)							
118	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiep THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	0	0	0	12	1	25	
119	7140201	Giáo dục Mầm non (Đại học)	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	7	0	19	7	19	21.25	

120	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	0	20	10	2	21	
121	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	23	16	13	38	17.25	
122	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	33	2	701	30	0	0	

123	7420201C	Công nghệ sinh học (Chất lượng cao)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	2	26	10	6	24	
124	7620202	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	21	16	12	22	16	
125	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	42	192	23	69	172	23.75	

126	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	23	1	730	20	2	700	
127	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	23	82	22	20	40	23.5	
128	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	70	41	25	60	75	23	

129	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	10	20	16	22	20	
130	7640101	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	56	208	24	69	135	24.5	
131	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	18	21.25	20	15	22.5	

132	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	15	0	723	15	1	650	
133	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	17	7	23.78	13	10	21	
134	7859002G	Tài nguyên và Du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	15	7	0	15	

135	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	52	49	26	49	95	24	
136	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (Chương trình nâng cao)	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	0	0	0	7	0	0	

137	7620105C	Chăn nuôi (Chương trình nâng cao)	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	0	0	0	7	0	0	
138	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	27	11	24.36	23	45	21	
139	7340301G	Kế toán (Phân hiệu Gia Lai)	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	9	18	8	5	18	

140	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	48	22.5	20	19	23.75	
141	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	13	0	0	12	0	0	

141	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	13	0	0	12	0	0	
142	7340116G	Bất động sản (Phân hiệu Gia Lai)	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	15	7	2	15	
143	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá	90	29	700	80	26	700	

					tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
144	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	7	16	10	15	16	
145	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghị THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	0	0	0	74	1	22.5	

146	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	18	25	13	27	25	
147	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	9	27.5	13	15	27	
148	7620109	Nông học	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	40	51	22	43	62	20	
149	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt	13	11	18	10	14	18	

					ngành THPT							
150	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	1	22.18	8	6	24	
151	7140201	Giáo dục Mầm non (Đại học)	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	0	24	15	8	20	
152	7340301G	Kế toán (Phân hiệu Gia Lai)	7340301	Kế toán	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức	10	0	700	7	0	0	

153	7620109	Nông học	7620109	Nông học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	40	0	705	42	1	650	
154	7859002G	Tài nguyên và Du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	0	18	8	0	18	
155	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	34	118	17	25	129	18	

156	7420201G	Công nghệ sinh học (Phân hiệu Gia Lai)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	7	0	0	
157	7859002G	Tài nguyên và Du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	7	0	600	

158	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	27	27	26	28	62	24	
159	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	47	49	19	35	39	20	
160	7420201G	Công nghệ sinh học (Phân hiệu Gia Lai)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	15	8	0	0	

161	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	33	13	19.33	30	10	19	
162	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	57	64	22.85	48	91	21	
163	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	13	10	15	10	8	15	

164	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	34	112	21.5	30	90	21.25	
165	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	52	180	22.25	51	105	22.5	
166	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	10	22.58	23	13	21	

167	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	68	20	22	95	19.75	
168	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	16	0	737	12	0	0	

169	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	705	10	0	0	
170	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	9	16	10	13	16	
171	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	23	9	24	20	25	22	

172	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	27	4	720	27	11	710	
173	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	36	0	730	32	10	700	

174	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	30	1	700	30	1	700	
175	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	15	0	708	15	2	660	

176	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	34	62	17	25	101	17	
177	7620202	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	17	2	19.39	13	3	19	
178	7620202G	Lâm nghiệp đô thị (Phân hiệu Gia Lai)	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	14	0	15	7	1	15	

179	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	33	9	19	25	25	20	
-----	---------	------------------------	---------	------------------------	---	----	---	----	----	----	----	--

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)


TS. Võ Thái Dân

Điện thoại: 0919 074 386

Email: vothaidan@hcmuaf.edu.vn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn**